Trường Tiểu học Lập Lễ

Họ và tên: .....

.....

Lớp: ….....…….....

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 2

Năm học: 2021 – 2022

Môn : Tiếng Việt (phần trắc nghiệm)

Thời gian: 35 phút

Điểm	**Giáo viên nhận xét**

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG:

II. ĐỌC HIỂU:

1.Đọc thầm: **Sự tích hoa tỉ muội**

Ngày xưa, có hai chị em Nết và Na mồ côi cha mẹ, sống trong ngôi nhà nhỏ bên sườn núi. Nết thương Na, cái gì cũng nhường em. Đêm đông, gió ù ù lùa vào nhà, Nết vòng tay ôm em:

- Em rét không?

Na ôm choàng lấy chị, cười rúc rích:

- Ấm quá!

Nết ôm em chặt hơn, thầm thì:

- Mẹ bảo chị em mình là hai bông hoa hồng, chị là bông to, em là bông nhỏ. Chị em mình mãi bên nhau nhé!

Na gật đầu. Hai chị em cứ thế ôm nhau ngủ.

Năm ấy, nước lũ dâng cao, nết cõng em chạy theo dân làng đến nơi an toàn. Hai bàn chân Nết rớm máu. Thấy vậy, Bụt thương lắm. Bụt liền phẩy chiếc quạt thần. Kì lạ thay, bàn chân Nết bỗng lành hẳn. Nơi bàn chân Nết đi qua mọc lên những khóm hoa đỏ thắm. Hoa kết

thành chùm, bông hoa lớn che chở cho nụ hoa bé nhỏ. Chúng cũng đẹp như tình chị em của Nết và Na.

Dân làng đặt tên cho loài hoa ấy là hoa tỉ muội.

Theo **Trần Mạnh Hùng**

2. Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất hoặc thực hiện theo yêu cầu:

Câu 1: **(0.5 điểm)** ***Những chi tiết cho thấy chị em Nết và Na sống rất đầm ấm?***

A. cài gì cũng nhường em B. vòng tay ôm em ngủ

C. Nết thương Na D. Tất cả các ý trên.

Câu 2: **(0.5 điểm)** ***Nước lũ dâng cao chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách nào?***

A . Nết dìu Na chạy. B . Nết cõng em chạy theo dân làng

C. Nết bế Na chạy D. Nết dẫn em đi theo dân làng.

Câu 3 ***:*** **(0.5 điểm)** ***Nơi bàn chân Nết đi qua mọc lên những khóm hoa:***

A . khóm hoa đỏ thắm. B . khóm hoa trắng.

C. khóm hoa vàng. D. khóm hoa xanh.

Câu 4: **(1 điểm)** *Xếp các từ sau thành nhóm thích hợp: đỏ thắm, bé nhỏ, chạy theo, cõng, đẹp, đi qua, cao, gật đầu.*

a. Từ ngữ chỉ hoạt động: .....

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm:.....

Câu 5: **(0.5 điểm)** *Bài văn cho em thấy tình cảm của chị em Nết và Na như thế nào ?*

Câu 6: **(1 điểm)** *Từ nào chỉ hoạt động?*

A. ngôi trường B. cánh hoa

C. đọc bài D. bàn ghế.

Câu 7: (0.5 điểm) *Câu nào là câu nêu đặc điểm?*

A. Mái tóc của mẹ mượt mà. B. Bố em là bác sĩ.

C. Em đang viết bài. D. Không trả lời cho câu hỏi nào.

Câu 8: (1 điểm) *Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào chỗ chấm.*

Bố: Nam ơi … Con hãy đặt một câu có từ đường nhé …

Con: Bố em đang uống cà phê…

Bố: Thế từ đường đâu…

Con: Dạ từ đường có trong cốc cà phê rồi ạ

Câu 9: (0.5 điểm) *Viết một câu nêu đặc điểm về một bạn trong lớp ?*

Trường Tiểu học Lập Lễ

Họ và tên: .....

.....

Lớp: ….....…….....

BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 2

Năm học: 2021 – 2022

Môn : Tiếng Việt (kiểm tra viết)

Thời gian: 40 phút

Điểm	**Giáo viên nhận xét**
Đọc:	
Viết:	
Chung:	

1. Chính tả : 15 phút *(4 điểm)*

NHÍM NÂU KẾT BẠN

(Sách Tiếng Việt 2,tập 1 /91)

(Viết đoạn: Từ " Thấy nhím trắng đến lạnh giá".*)*

2. Tập làm văn: 25 phút *(6 điểm)*

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3 câu đến 5 câu) thể hiện tình cảm của em đối với người thân.

Bài làm

HƯỚNG DẪN CHẤM TIẾNG VIỆT HỌC KÌ I - LỚP 2

I. Đọc: (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng: (4 điểm) GV kết hợp kiểm tra qua các tiết ôn tập cuối học kì.

- GV ghi tên các bài tập đọc, đánh số trang vào phiếu để HS bắt thăm. HS đọc xong GV nêu câu hỏi gắn với nội dung bài đọc để HS trả lời.

+ HS đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ 40 tiếng/ 1 phút: 1 điểm.

+ Đọc đúng tiếng, từ không đọc sai quá 5 tiếng: 1 điểm.

+ Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, giữa các cụm từ: 1 điểm.

+ Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm.

2. Đọc hiểu : (6 điểm)

- Câu 1; 2; 3; 6; 7: Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

1. D 2. B 3. A

4 Từ chỉ hoạt động: Chạy theo, cõng, đi qua

Từ chỉ đặc điểm: đỏ thắm, bé nhỏ, đẹp, cao.

5 Trả lời theo ý hiểu.

6. c 7.A

Bố: Nam ơi ! Con hãy đặt một câu có từ đường nhé !

Con: Bố em đang uống cà phê.

Bố: Thế từ đường đâu?

Con: Dạ từ đường có trong cốc cà phê rồi ạ.

.

II. Viết : (10đ)

1. Chính tả (4 điểm)

- Bài viết sạch sẽ, rõ ràng, trình bày đúng quy định, đúng tốc độ, đúng cỡ chữ, kiểu chữ, không mắc quá 2 lỗi chính tả (4 điểm)

- Trừ điểm theo từng lỗi cụ thể (chữ viết không đều; mắc cùng một lỗi nhiều lần chỉ trừ điểm một lần…)

2. Tập làm văn (6 điểm)

- HS viết được đoạn văn từ 4 - 5 câu theo đúng nội dung đề bài (3 điểm).

- Kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm.

- Kĩ năng dùng từ đặt câu: 1 điểm.

- Có sáng tạo: 1 điểm.